

Bản án số: 355/2025/HS-PT

Ngày 18 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Quyên;

Ông Nguyễn Trúc Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 184/2025/TLPT-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị K và các bị cáo khác; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HS-ST ngày 07-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị K (tên gọi khác: K1), sinh năm 1980 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075180007793; nơi đăng ký thường trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp C, xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Lê Thị K2 (đã chết); có chồng tên Dương Văn T và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 320/2024/HS-ST ngày 27-12-2024, bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch xử phạt 35.000.000 đồng về

tội “Đánh bạc”, bản án đã có hiệu lực pháp luật; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 151/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079181030177; nơi đăng ký thường trú: Số B, Khu phố A, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp H, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N1 (đã chết) và bà Ngô Thị H (đã chết); có chồng tên Phan Quan T1 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024, được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 150/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Thị Thu H1, sinh năm 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079163010862; nơi đăng ký thường trú: Số C, Khu phố C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Lê Thị Đ, không rõ cha; có chồng tên Phạm Hồng S (đã chết) và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 149/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

4. Phạm Thị T2, sinh năm 1970 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075170010512; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị B1; có chồng tên Nguyễn Văn H2 và có 04 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số:

148/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

5. Phạm Thị Ngọc V, sinh năm 1980 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079180026217; nơi đăng ký thường trú: Số C, Khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) (Tòa án cấp sơ thẩm ghi ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là không đúng); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H3 và bà Huỳnh Thị H4; sống chung như vợ chồng với Phạm Hải A và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2010/HS-ST ngày 09-02-2010, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, bị cáo đã chấp hành xong bản án; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 147/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

6. Dương Hữu T3, sinh năm 1970 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079070009816; nơi đăng ký thường trú: Số D, Khu phố B, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai) (Tòa án cấp sơ thẩm ghi ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai là không đúng); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Dương Thị L1, không xác định được tên cha; có vợ tên Nguyễn Thị Ú và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 146/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079176002421; nơi đăng ký thường trú: Số E, Đường C, Khu phố C, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không;

trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có chồng tên Lê Ngọc T5 và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 145/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

8. Tăng Thanh T6 (tên gọi khác: G), sinh năm 1993 tại Đồng Nai; Căn cước công dân số: 075093010590; nơi đăng ký thường trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã N, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Thanh S2 và bà Dương Thị T7; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 144/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

9. Nhâm Ngọc H5 (tên gọi khác: T3), sinh năm 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cước công dân số: 079185037195; nơi đăng ký thường trú: Số C, đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi cư trú: Ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (nay là xã Đ, tỉnh Đồng Nai); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Hoa; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nhâm H6 và bà Dương Thị Hồng C1 (đã chết); có chồng tên Nguyễn Thành T8; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 29-9-2024, đến ngày 08-10-2024 được tại ngoại; hiện nay, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số: 143/2025/LCĐKNCT ngày 27-6-2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu N:* Bà Nguyễn Thị K3, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; nơi làm việc: Công ty L2; địa chỉ: Số J, khu dân cư B, phường T, tỉnh Đồng Nai; số điện thoại: 0937 761 149.

- *Ngoài ra, vụ án còn có bị cáo Nguyễn Anh T9, không có kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Vào lúc 13 giờ ngày 29-9-2024, Trần Thị K đã tổ chức đánh bạc tại nhà thuộc ấp C, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, cho Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Phạm Thị Ngọc V, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Nguyễn Anh T9, Tăng Thanh T6 và Nhâm Ngọc H5 đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài tứ sắc.

Cách thức đánh bạc bằng hình thức chơi tứ sắc như sau: Trong bộ bài có 7 đạo quân (tướng, sĩ, tượng, xe, pháo, mã và tốt) mỗi đạo quân có 16 lá bài chia đều theo 4 màu, mỗi màu có 28 lá là xanh, vàng, trắng và đỏ. Người chia bài sẽ chia cho những người chơi mỗi người 20 lá bài, riêng người chia bài sẽ được chia 21 lá bài và được đánh đầu tiên. Số bài còn lại sẽ được để giữa bàn để người chơi có thể lấy thêm bài. Những người chơi sắp xếp bài thành đôi màu giống nhau, tướng sĩ tượng cùng màu, xe pháo mã cùng màu, 3 hoặc 4 quân bài tốt màu khác nhau, còn quân lẻ thì lấy ra để đánh và ăn bài của người khác tạo thành các bộ như trên sao cho không còn quân bài lẻ. Đánh đến khi nào bài của của một người ăn bài của người khác mà không còn quân lẻ thì thắng.

Trần Thị K cung cấp 06 bộ bài tứ sắc, 02 bìa carton, sau đó thu xâu số tiền 20.000 đồng/01 người thắng, chia thành 02 chiều bạc như sau:

1/ Chiều bạc thứ nhất:

- Dương Hữu T3 mang theo và sử dụng 2.040.000 đồng để đánh bạc và thua 40.000 đồng, đóng 100.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, T3 bị thu giữ 1.900.000 đồng trên chiều bạc.

- Nguyễn Thị Thu N mang theo và sử dụng 720.000 đồng để đánh bạc và thua 360.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, N bị thu giữ 360.000 đồng trên chiều bạc.

- Nguyễn Thị Ngọc S1 mang theo và sử dụng 2.400.000 đồng để đánh bạc và thắng 1.000.000 đồng, đóng 100.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, S1 bị thu giữ 3.300.000 đồng trên chiều bạc.

- Nguyễn Anh T9 mang theo và sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc và thua 600.000 đồng.

2/ Chiều bạc thứ hai:

- Tăng Thanh T6 mang theo và sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc và thắng 580.000 đồng, đóng 200.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, T6 bị thu giữ 1.180.000 đồng trên chiếu bạc.

- Nhâm Ngọc H5 mang theo và sử dụng 3.700.000 đồng để đánh bạc và thắng 520.000 đồng, đóng 200.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, H5 bị thu giữ 4.020.000 đồng trên chiếu bạc.

- Lê Thị Thu H1 mang theo và sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc và thua 580.000 đồng, đóng 100.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, H1 bị thu giữ 120.000 đồng trên chiếu bạc.

- Phạm Thị Ngọc V mang theo và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc và thua 620.000 đồng, đóng 100.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, V bị thu giữ 280.000 đồng trên chiếu bạc.

- Phạm Thị Thanh mang theo và sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc và thắng 100.000 đồng, đóng 100.000 đồng tiền xâu cho Khác. Khi bị bắt quả tang, T3 bị thu giữ 1.200.000 đồng trên chiếu bạc.

Tất cả đánh bạc đến 16 giờ 40 phút cùng ngày, thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc thứ nhất số tiền 5.560.000 đồng, chiếu bạc thứ hai số tiền 6.800.000 đồng và 900.000 đồng tiền thu xâu của Trần Thị K.

2. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HS-ST ngày 07-3-2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 19/2025/TB-TA ngày 17-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thị K phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Trần Thị K 01 (một) năm tù.

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị Ngọc V, Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Nguyễn Anh T9, Tăng Thanh T6 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt các bị cáo: Phạm Thị Ngọc V 08 (tám) tháng tù; Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Nguyễn Anh T9 và Tăng Thanh T6, mỗi bị cáo 07 (bảy) tháng tù.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo.

3. Kháng cáo:

Các bị cáo Trần Thị K, Phạm Thị Ngọc V, Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Nguyễn Anh T9, Tăng Thanh T6 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo hoặc phạt tiền.

4. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Kiểm sát viên đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật bản án sơ thẩm đã nêu là có căn cứ, đúng người, đúng tội và hình phạt là phù hợp. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

5. Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thu N tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tội danh phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu N; tuy nhiên, bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn, vai trò thấp, hành vi bộc phát, không vụ lợi, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là lao động chính và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo bị nhiều bệnh. Bị cáo có cung cấp các giấy tờ thể hiện luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn cho bị cáo Nguyễn Thị Thu N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về lý lịch các bị cáo:

Các bị cáo bị bắt quả tang ngày 29-9-2024 (bút lục số 136) và thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 08-10-2024 (bút lục số 36-44), Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 30-9-2024 và ngày 05-10-2024 là chưa chính xác; do đó, điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này. Phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Nguyễn Anh T9 không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm cần sửa đổi, bổ sung bản án cho phù hợp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; cùng với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị K phạm tội “Tổ chức đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 322; các bị cáo Phạm Thị Ngọc V, Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Nguyễn Anh T9 và Tăng Thanh T6 phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo:

3.1. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

3.2. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tòa án cấp sơ thẩm: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Thị K đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; các bị cáo Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1, Tăng Thanh T6 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Áp dụng quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo cung cấp các tài liệu, chứng cứ, thể hiện các nội dung sau đây; đồng thời, áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị Ngọc S1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc mẹ già; bản thân bị cáo bị nhiều bệnh.

2/ Tăng Thanh T6 là cháu ngoại của ông Dương Văn H7 là người hoạt động kháng chiến và có Huy hiệu 55 tuổi Đảng.

3/ Lê Thị Thu H1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mới mất.

4/ Phan Thị T10 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình chăm sóc mẹ già nằm một chỗ và chồng tai biến.

5/ Dương Hữu T3 và Nguyễn Thị Thu N có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị nhiều bệnh.

6/ Trần Thị K có hoàn cảnh gia đình khó khăn.

3.3. Về hình phạt:

- Đối với bị cáo Trần Thị K: Ngoài vụ án này, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2) xét xử về tội

“Đánh bạc” vào ngày 27-12-2024; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

- Đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc V có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Đánh bạc” nhưng tiếp tục phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật; do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo.

- Đối với các bị cáo Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1 và Tăng Thanh T6 có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc bộc phát nhất thời và số tiền đánh bạc không lớn, cụ thể: Dương Hữu T3 (đánh bạc 2.040.000 đồng, thua 40.000 đồng), Nguyễn Thị Thu N (đánh bạc 720.000 đồng, thua 360.000 đồng), Nguyễn Thị Ngọc S1 (đánh bạc 2.400.000 đồng, thắng 1.000.000 đồng), Tăng Thanh T6 (đánh bạc 800.000 đồng, thắng 580.000 đồng), Nhâm Ngọc H5 (đánh bạc 3.700.000 đồng, thắng 520.000 đồng), Lê Thị Thu H1 (đánh bạc 800.000 đồng, thua 580.000 đồng) và Phạm Thị T2 (đánh bạc 1.200.000 đồng, thắng 100.000 đồng). Tại cấp phúc thẩm, một số bị cáo có cung cấp tình tiết mới nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử phạt tù đối với các bị cáo này là quá nghiêm khắc và không cần thiết, nên chấp nhận kháng cáo, xử phạt tiền cũng đủ răn đe giáo dục và thu ngân sách Nhà nước.

[4] Về áp dụng pháp luật:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Trần Thị K theo khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự nhưng không áp dụng tình tiết định khung của điều luật là có thiếu sót; do đó, điều chỉnh lại là điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cho bị cáo Nhâm Ngọc H5 là có thiếu sót, nên điều chỉnh lại tại bản án phúc thẩm này.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Chấp nhận một phần quan điểm của Kiểm sát viên; chấp nhận quan điểm của Người bào chữa tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 355; Điều 356 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thị K và Phạm Thị Ngọc V.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1 và Tăng Thanh T6;

Sửa một phần về hình phạt do khách quan, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2025/HS-ST ngày 07-3-2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số: 19/2025/TB-TA ngày 17-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2).

1. Tội danh và hình phạt:

1.1. Đối với bị cáo Trần Thị K:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Trần Thị K 01 (một) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Trần Thị K vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ vào thời gian bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 29-9-2024 đến ngày 08-10-2024.

1.2. Đối với bị cáo Phạm Thị Ngọc V:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Ngọc V 08 (tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày người bị kết án Phạm Thị Ngọc V vào cơ sở giam giữ chấp hành án phạt tù, được trừ vào thời gian bị bắt quả tang, tạm giữ, từ ngày 29-9-2024 đến ngày 08-10-2024.

1.3. Đối với các bị cáo Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1 và Tăng Thanh T6:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt tiền các bị cáo sau đây về tội “Đánh bạc”, sung vào công quỹ Nhà nước:

- Xử phạt bị cáo Nhâm Ngọc H5 phải nộp 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu N phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H1 phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị T2 phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Dương Hữu T3 phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc S1 phải nộp 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

- Xử phạt bị cáo Tăng Thanh T6 phải nộp 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Thị K và Phạm Thị Ngọc V, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Các bị cáo Nhâm Ngọc H5, Nguyễn Thị Thu N, Lê Thị Thu H1, Phạm Thị T2, Dương Hữu T3, Nguyễn Thị Ngọc S1 và Tăng Thanh T6 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Anh T9, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân khu vực 2;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Đồng Nai (PC02);
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Công an các xã Đại Phước, Phước An và Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Công an các phường Bình Trưng, An Khánh và Khánh Hội, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án và Văn phòng ⁽²⁶⁾.

Nguyễn Văn Thành